TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 4 - 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Trang

2. Ông Mai Xuân Trường

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình*** *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 01/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST - HNGĐ ngày 21/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1979; có mặt

Nơi ĐKHKTT: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1974; vắng mặt

Địa chỉ: thôn H, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình vào ngày 01/12/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn H, xã Q, huyện K và

sinh được 03 con. Năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến say xỉn bỏ bê công việc làm ăn, nhiều lần chửi mắng và đuổi ba mẹ con chị ra khỏi nhà. Chị N và hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải anh T là uống rượi ít thôi để đảm bảo sức khỏe đi làm tạo thu nhập cho gia đình nhưng anh T không thay đổi, vẫn thường xuyên uống rượu. Đến tháng 6/2017 anh T uống rượu say đuổi ba mẹ con chị ra khỏi nhà nên chị đã mang theo hai con lớn về nhà bố mẹ chị ở thôn Sơn Thọ, xã Nam Bình sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian chị về chung sống tại nhà bố mẹ chị thì anh T và gia đình có đến nhà bố mẹ chị tìm chị về nhưng chị nhất quyết không về. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 18/11/2002; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 17/8/2012, hiện nay con T và H đang ở cùng chị, con A đang ở cùng anh T. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao hai con T và H cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao con A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con cùng chị.

- Về quan hệ tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản ghi lời khai và biên bản hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:* Về điều kiện và thời gian kết hôn đúng như chị N trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn H xã Q và sinh được 03 con. Tháng 6/2017 anh không biết vì lý do gì chị N tự ý bỏ nhà đi mang theo hai con lớn đến ở nhà bố mẹ đẻ chị N. Anh và các anh chị em họ có đến nhà bố mẹ chị N tìm chị N nhưng chị N không về. Nay chị N đề nghị ly hôn anh không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy các con vì ly hôn thì các con anh sẽ khổ. Còn nếu chị N kiên quyết ly hôn thì đó là việc của chị N, anh đành phải chịu. Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 18/11/2002; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 17/8/2012, hiện nay hai con T và H đang ở cùng chị N, con A đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giao hai con T và H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao con Anh cho anh trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu Anh đang ở cùng với anh, anh đi làm về có cháu nói chuyện cho đỡ buồn. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp

luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng tại phiên tòa không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự không nghiêm túc, đầy đủ.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị N được ly hôn anh T. Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: giao 02 con T và H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con A cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Chị Phạm Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, đăng ký hộ khẩu tại thôn Hữu Tiệm, xã Quang Hưng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ , vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung vụ án:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Hưng là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị N và anh T mâu thuẫn là do chị N cho rằng anh T thường xuyên uống rượu dẫn đến say xỉn không chịu đi làm tạo lập kinh tế gia đình, nhiều lần chửi mắng và đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà còn anh T thì cho rằng chị N tự ý bỏ nhà đi, anh và các anh chị em họ đã đến nhà bố mẹ chị N tìm chị N về nhưng chị N không về. Chị N kiên quyết ly hôn và không về chung sống cùng anh T. Anh T không muốn ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để các con anh đỡ khổ nhưng anh không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Hiện tại vợ chồng chị N và anh T mỗi người sinh sống một nơi không quan tâm đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của

hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có 03 con chung là Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 18/11/2002; Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/5/2007 và Nguyễn Thị A, sinh ngày 17/8/2012, hiện nay hai cháu T và H đang ở cùng chị N, cháu A đang ở cùng anh T. Chị N có nguyện vọng nuôi cháu Phương T và Thu H, anh T có nguyện vọng nuôi cháu A. Cháu Phương T và Thu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho các cháu ăn ở và học tập ổn định cần giao hai cháu Phương T và T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu A cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; việc chị N không yêu cầu anh T phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 18/11/2002 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 15/5/2007 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thị A, sinh ngày 17/8/2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000895 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Phạm Thị N đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Phạm Thị N có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/4/2018, bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân